

Bản án số: 93/2024/DS-PT

Ngày: 26 - 01 - 2024

V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ND

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Dũng

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Xuân Sơn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh ND.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ND tham gia phiên toà: Bà Trần Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh ND mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2023/TLPT- DS ngày 20/10/2023 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS – ST ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 104/2023/QĐXX-PT ngày 05/12/2023

1. NguY đơn: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm Hoàn Tam, xã Hoàn Sơn, huyện Giao Thủy, tỉnh ND;

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị O, sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm Hoàn Lộ Nam, xã Hoàn Sơn, huyện Giao Thủy, tỉnh ND;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cụ Trần Thị M, sinh năm 1938; địa chỉ: Xóm Hoàn Lộ Nam, xã Hoàn Sơn, huyện Giao Thủy, tỉnh ND;

- Bà Đặng Thị Y, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn Bình Minh, xã Hương Bình, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh;

- Bà Đặng Thị T, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp Tân Hoi, xã Tân Thành, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước;

Người đại diện theo ủy quyền của cụ M, bà Y, bà T: Bà Đặng Thị T (là

nguyên đơn);

- Bà Đặng Thị N, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm 7, xã Hồng Thuận, huyện Giao Thủy, tỉnh NB;

- Ông Đặng Ngọc T (tên gọi khác: Đặng Văn T), sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp 9, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh CM;

4. Người kháng cáo: Bà Đặng Thị N và ông Đặng Ngọc T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai khác tại Tòa án, nguyên đơn là bà Đặng Thị T trình bày: Bố bà là cụ Đặng Văn Sinh, tên gọi khác Đặng Trường Sinh, Đặng Văn Tiết, chết năm 2014 và mẹ bà là cụ Trần Thị M có tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 98, tờ bản đồ số 27 xã Hoàn Sơn; địa chỉ: Xóm Hoàn Lộ Nam, xã Hoàn Sơn, huyện Giao Thủy, tỉnh NB, hiện trạng diện tích thửa đất là 670 m² và trên đất có nhà, công trình phụ đã dột nát không còn giá trị. Thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Giao Thủy cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM275321 ngày 12- 9- 2008. Cụ Đặng Văn Sinh và cụ Trần Thị M có 05 con đẻ gồm Đặng Thị T, Đặng Thị O, Đặng Thị Y, Đặng Thị N, Đặng Thị T và 01 con nuôi là Đặng Ngọc T. Bố bà Đặng Văn Sinh chết không để lại di chúc, anh chị em trong gia đình không thống nhất với nhau được việc phân chia đối với di sản mà bố bà để lại. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của bố bà là cụ Đặng Văn Sinh để lại theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, cụ Trần Thị M tặng cho bà và các bà Đặng Thị O, Đặng Thị Y và Đặng Thị T diện tích đất của cụ M trong thửa đất chung với đất thừa kế và đất được chia theo thừa kế. Bà đề nghị được cùng các bà Đặng Thị O, Đặng Thị Y và Đặng Thị T được quyền sử dụng chung diện tích đất được chia và được tặng cho, tổng cộng 570m². Phần đất còn lại 100m² trong thửa đất, bà đề nghị chia thừa kế cho ông Đặng Ngọc T được hưởng; bà không đề nghị ông T thanh toán chênh lệch di sản được chia.

* Bị đơn là bà Đặng Thị O trình bày: Bà thống nhất với lời khai và quan điểm của nguyên đơn bà Đặng Thị T về các vấn đề trong vụ án, bà cùng nguyên đơn bà Đặng Thị T và các bà Đặng Thị Y và Đặng Thị T nhận chung quyền sử dụng đất tặng cho của mẹ bà cụ Trần Thị M và được hưởng thừa kế.

* Cụ Trần Thị M trình bày: Cụ thống nhất với lời khai và quan điểm của bà Đặng Thị T, cụ tặng cho quyền sử dụng đất của cụ trong khối tài sản chung với cụ Sinh và quyền sử dụng đất được thừa kế từ cụ Sinh như quan điểm của bà Đặng Thị T.

* Bà Đặng Thị Y, bà Đặng Thị T trình bày: Các bà ủy quyền cho bà Đặng Thị T tham gia tố tụng và thống nhất với quan điểm của bà T.

* Bà Đặng Thị N trình bày: Bà nhất trí về quan hệ huyết thống, thời điểm cụ Sinh chết, di sản thừa kế như nguY đơn trình bày nhưng không nhất trí yêu cầu khởi kiện của nguY đơn. Bà đề nghị Tòa án không phân chia và giữ nguY hiện trạng của thửa đất tranh chấp là tài sản chung của bố mẹ bà là cụ Đặng Văn Sinh và cụ Trần Thị M. Thửa đất này trước khi bố bà chết có nguyện vọng dặn dò là để lại cho ông T sau này làm nơi thờ cúng. Trường hợp Tòa án chia di sản thừa kế, bà không đòi hỏi quyền lợi đối với di sản của bố bà để lại.

* Ông Đặng Ngọc T trình bày: Ông là con nuôi hợp pháp của ông Đặng Trường Sinh (tên thường gọi Đặng Văn Tiết) và cụ Trần Thị M. Trước khi, bố ông chết có để lại bản "Bút ký gia đình" tại bản bút ký này thì bố ông đã thể hiện rõ là để lại cho vợ chồng ông làm nơi thờ cúng tổ tiên, đây là đất gia tiên để lại không bán, tại bút ký cũng thể hiện rõ "nếu T không ở phải hợp các chị gái anh rể làm cho rõ vấn đề sau này ai là người hương khói cho gia tiên và cho bố mẹ". Đối với việc nguY đơn khởi kiện, ông không đồng ý, vì đây là đất hương hỏa gia tiên trong một chi tộc, trách nhiệm của cha, của chú là ông Đặng Trường Sinh và ông Đặng Văn Buốt chưa xây được nhà thờ gia tiên thì tới đời con là Đặng Ngọc T và 05 người con trai của ông Đặng Văn Buốt có trách nhiệm thực hiện, bút tích bố ông để lại rất rõ ràng là đất để lại không được bán, không được chia mà để làm nơi thờ tự của một chi tộc tính đến nay là 04 đời. Trường hợp sau này Tòa án tiến hành thủ tục tố tụng và xét xử, ông sẽ không tham dự, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đúng di nguyện của bố ông đã lập theo bút tích để lại.

* Kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Thửa đất đứng tên chủ sử dụng Tiết (tức Sinh) tại thửa 98, tờ bản đồ 27 xã Hoàn Sơn; địa chỉ: Xóm Hoàn Lộ Nam, xã Hoàn Sơn, huyện Giao Thủy, tỉnh NB, có diện tích là 670m²; phía Bắc giáp đất hộ ông Ba (Cự); phía Nam giáp đường dọc xóm; phía Đông giáp thửa đất hộ ông Liệu; phía Tây giáp ngõ đi hộ ông Ba (Cự). Công trình xây dựng trên đất có một nhà cấp 4 và công trình phụ đã xuống cấp không còn giá trị. Giá trị quyền sử dụng đất: Đất ở 600.000đ/m²; đất vườn, ao: 260.000đ/m².

* Ủy ban nhân dân xã Hoàn Sơn cung cấp: Theo bản đồ địa chính xã Hoàn Sơn năm 1995; thửa đất đang tranh chấp mang tên Tiết (tức Sinh) là thửa số 98, tờ bản đồ số 27, diện tích 690 m², trong đó đất ở 260 m², đất vườn là 150 m², ao là 280 m², trên đất có nhà, công trình phụ đã dột nát không còn giá trị. Thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Giao Thủy cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM275321 ngày 12- 9- 2008 đứng tên chủ sử dụng Đặng Trường Sinh và Trần Thị M. Cụ Sinh và cụ M có 05 con đẻ gồm bà Đặng Thị T, bà Đặng Thị O, bà Đặng Thị Y, bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị T và 01 con nuôi là

ông Đặng Ngọc T. Về sự chênh lệch diện tích đất qua các lần đo đạc là do sai số khi đo đạc.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS – ST ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy quyết định.

1. Căn cứ vào: Điều 612, Điều 613, Điều 620, khoản 1 Điều 650, Điều 651, khoản 2 Điều 660 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; xử:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguY đơn bà Đặng Thị T về việc chia thừa kế di sản của cụ Đặng Văn Sinh (tên gọi khác Đặng Trường Sinh, Đặng Văn Tiết); xác định trong 670m² đất tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 27, địa chỉ: Xóm Hoành Lộ Nam, xã Hoành Sơn, huyện Giao Thủy, tỉnh NB, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM275321 ngày 12- 9- 2008 cho chủ sử dụng ông Đặng Trường Sinh và cụ Trần Thị M có 335m² là di của cụ Đặng Văn Sinh và 335m² thuộc quyền sử dụng của cụ Trần Thị M.

* Công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, cụ thể cụ Trần Thị M tặng cho T bộ diện tích đất 335m² tại thửa đất nêu trên cho các bà Đặng Thị T, Đặng Thị O, Đặng Thị Y và Đặng Thị T. Công nhận sự tự nguyện của cụ Trần Thị M nhường quyền thừa kế di sản của cụ Đặng Văn Sinh cho các bà Đặng Thị T, Đặng Thị O, Đặng Thị Y và Đặng Thị T.

* Bà Đặng Thị T, bà Đặng Thị O, bà Đặng Thị Y và bà Đặng Thị T được quyền sử dụng chung diện tích đất là 570 m² (đất ở là 214 m²; đất vườn là 125 m²; đất ao là 231 m²), có tứ cận: Phía Bắc giáp đất hộ ông Ba (Cự) dài 19,4m; phía Nam giáp đường dài 17,33m và phía Nam giáp phần đất chia cho ông T dài 05m; phía Đông giáp thửa đất hộ ông Liệu gồm 02 đoạn dài 7,56m; 5,9m và phía Đông giáp phần đất chia cho ông T dài 20m; phía Tây giáp ngõ đi hộ ông Ba (Cự) gồm 02 đoạn dài 19,31m; 12,81m.

* Ông Đặng Ngọc T được quyền sử dụng diện tích đất là 100m² (đất ở là 38 m²; đất vườn là 21 m²; đất ao là 41 m²), có tứ cận: Phía Bắc giáp phần đất chia cho bà Y, bà T, bà O, bà T dài 05 m; phía Nam giáp đường dài 05m; phía Đông giáp đất hộ ông Liệu gồm 02 đoạn dài 8,5m; 11,6m; phía Tây giáp phần đất chia cho bà Y, bà T, bà O dài 20m.

(Có sơ đồ kèm theo).

* Công nhận sự tự nguyện của các bà Đặng Thị T, Đặng Thị O, Đặng Thị Y và Đặng Thị T về việc không yêu cầu ông Đặng Ngọc T thanh toán chênh lệch tài sản được chia thừa kế.

* Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các điều 12, 26 và 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cùng Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo: Buộc bà Đặng Thị O, bà Đặng Thị T và ông Đặng Ngọc T mỗi người phải nộp 1.082.000 đồng án phí. Miễn án phí cho cụ Trần Thị M, bà Đặng Thị T và bà Đặng Thị Y.

* Ngày 12/8/2023 ông Đặng Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chia thừa kế thừa đất theo yêu cầu khởi kiện của bà T.

Ngày 17/7/2023 bà Đặng Thị N kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho bà được hưởng thừa kế di sản do bố bà để lại.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ND phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Đặng Thị N; không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Ngọc T (Đặng Văn T), giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS – ST ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông T, bà N làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tuy nhiên bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên coi như từ bỏ việc kháng cáo, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà N.

[2] Xét kháng cáo của ông T:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Đặng Văn Sinh (tên gọi khác Đặng Trường Sinh, Đặng Văn Tiết), chết năm 2014 nên còn thời hiệu chia di sản thừa kế đối với bất động sản.

[2.2] Về diện và hàng thừa kế: Cụ Đặng Văn Sinh và cụ Trần Thị M có 05 con đẻ gồm bà Đặng Thị T, bà Đặng Thị O, bà Đặng Thị Y, bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị T và 01 con nuôi là ông Đặng Ngọc T (Đặng Văn T). Vì vậy hàng thừa kế thứ nhất của cụ Sinh là 7 người gồm cụ Trần Thị M, bà Đặng Thị T, bà Đặng Thị O, bà Đặng Thị Y, bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị T và ông Đặng Ngọc T.

[2.3] Về phân chia tài sản chung của cụ Sinh và cụ M, di sản thừa kế của cụ Sinh để lại:

Các đương sự đều thống nhất xác định, vợ chồng cụ Đặng Văn Sinh và cụ Trần Thị M có tài sản chung là quyền sử dụng diện tích đất 670m² (gồm 252m² đất ở và 418m² đất ao vườn), tại thửa số 98, tờ bản đồ số 27 xã Hoàn Sơn; địa chỉ: xóm Hoàn Lộ Nam, xã Hoàn Sơn, huyện Giao Thủy, tỉnh ND; đã được Ủy ban nhân dân huyện Giao Thủy cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM275321 ngày 12- 9- 2008 đứng tên cụ Sinh và cụ M. Trên đất có nhà cấp bốn và công trình phụ nhưng đã xuống cấp, không còn giá trị, các đương sự không yêu cầu chia, vì vậy Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản trên đất.

Phân chia tài sản chung của vợ chồng thì mỗi cụ được quyền sử dụng 1/2 thửa đất tại thửa số 98, tờ bản đồ số 27 xã Hoàn Sơn có diện tích 335m²; di sản thừa kế của cụ Sinh để lại là 335m² đất tại thửa số 98, tờ bản đồ số 27 xã Hoàn Sơn.

[2.4] Về di chúc: Cụ Sinh chết không để lại di chúc nên di sản của cụ Sinh để lại được chia theo pháp luật.

Ông T kháng cáo cho rằng trước khi bố ông (cụ Sinh) chết có để lại bản “Bút ký gia đình”, tại bản bút ký này thì bố ông đã thể hiện rõ để lại T bộ thửa đất cho vợ chồng ông làm nơi thờ cúng tổ tiên. Tuy nhiên bản “Bút ký gia đình”, do ông T gửi cho Tòa án cùng với đơn kháng cáo là bản phô tô nên không có giá trị pháp lý. Mặt khác nội dung bản bút ký gia đình thể hiện: Vợ chồng ông T có trách nhiệm ở cùng với hai cụ và phụng dưỡng hai cụ tuổi già, cùng với 5 chị em xây nhà thờ gia tiên; nhưng thực tế thì vợ chồng ông T không ở cùng hai cụ mà đi làm ăn sinh sống trong miền Nam hơn hai mươi năm nay không về. Vì vậy kháng cáo của ông T không được chấp nhận.

[2.5] Phân chia di sản:

Di sản thừa kế của cụ Sinh để lại là 335m² đất (gồm 126m² đất ở trị giá 75.600.000 đồng; 209m² đất vườn, ao trị giá 54.340.000 đồng) tổng cộng trị giá 129.940.000 đồng, chia làm 07 kỷ phần cho 07 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Sinh gồm: Cụ Trần Thị M, bà Đặng Thị T, bà Đặng Thị O, bà Đặng Thị Y, bà Đặng Thị N, bà Đặng Thị T và ông Đặng Ngọc T; mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế diện tích đất là 47,85m² trị giá 18.562.000 đồng.

Cụ M tự nguyện tặng cho T bộ tài sản của mình được chia là 335m² đất và kỷ phần thừa kế của mình được hưởng từ cụ Sinh cho các bà Đặng Thị T, Đặng Thị O, Đặng Thị Y và Đặng Thị T được quyền sử dụng. Việc tặng cho tài sản của cụ M là hoàn T tự nguyện nên được chấp nhận.

Bà Đặng Thị O, Đặng Thị Y và Đặng Thị T đề nghị được quyền sử dụng chung diện tích đất được chia và được cụ M tặng cho có diện tích 570m², phần đất còn lại 100m² trong thửa đất các bà đề nghị chia thừa kế cho ông Đặng Ngọc T được hưởng. Mặc dù phần đất chia cho ông T (100m²) lớn hơn kỷ phần thừa kế

ông T được hưởng (47,85m²) nhưng các bà không đề nghị ông T phải thanh toán chênh lệch giá trị.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bà N từ chối nhận di sản nên không chia thừa kế cho bà N, bà N kháng cáo nhưng sau đó từ bỏ kháng cáo.

Căn cứ vào hiện trạng tài sản và yêu cầu của các đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã tính toán phân chia di sản bằng hiện vật (đất) cho các đồng thừa kế là phù hợp và có căn cứ pháp luật, đảm bảo được quyền lợi của các đương sự.

[2.6] Từ những phân tích nhận định nêu trên, xét thấy Tòa án sơ thẩm đã xét xử có căn cứ và đúng pháp luật, kháng cáo của ông T là không có căn cứ chấp nhận, vì vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các vấn đề khác của vụ án các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà N và ông T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Đặng Thị N.

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Ngọc T (Đặng Văn T), giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS – ST ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đặng Ngọc T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000586 ngày 08/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, ông T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Đặng Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000492 ngày 17/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, bà N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuY án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Tiến Dũng